

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2021
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hà

Ông Hoàng Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về vụ án ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Văn D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Dương Văn D trình bày:

Anh Dương Văn D và chị Phạm Thị L yêu thương, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Ngày 21/3/2018, anh Dương Văn D và chị Phạm Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh Dương Văn D và chị Phạm Thị L chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Một thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do không có con chung dẫn đến việc cãi nhau

thường xuyên, tình cảm vợ chồng rạn nứt, mệt mỏi, không còn hạnh phúc. Hiện nay, hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh Dương Văn D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Dương Văn D đề nghị được ly hôn với chị Phạm Thị L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, chị Phạm Thị L không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện Thôn A, xã C, huyện B và Công an xã C, huyện B đều khẳng định chị Phạm Thị L vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã C, huyện B. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị L vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chị Phạm Thị L không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn anh Dương Văn D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh, ông Dương Văn Đ là bố chồng chị Phạm Thị L cho biết lý do xảy ra mâu thuẫn giữa anh Dương Văn D và chị Phạm Thị L là do hai vợ chồng không có được con, gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng không được, các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án ông đều thông báo cho chị Phạm Thị L được biết. Còn ông Đinh Văn Đ là trưởng thôn A, xã C và công an xã C cho biết chị Phạm Thị L vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương, về tình cảm vợ chồng thì không biết vợ chồng mâu thuẫn ở mức độ nào, nhưng ông cho biết hai vợ chồng không có được con. Ông Dương Văn Đ và ông Đinh Văn Đ không có ý kiến gì về việc anh Dương Văn D yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị L và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Dương Văn D đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Phạm Thị L vắng mặt tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do vậy, chị Phạm Thị L không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Dương Văn D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Dương Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Dương Văn D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật.

[2] Về tố tụng: Chị Phạm Thị L vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị L là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh Dương Văn D và chị Phạm Thị L là hợp pháp, hoàn toàn tự nguyện và có giấy đăng ký kết hôn số 07 ngày 21/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nguyên đơn anh Dương Văn D trình bày vợ chồng chung sống không có con chung nên dẫn đến việc bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn thường xuyên, không hạnh phúc. Chị Phạm Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc anh Dương Văn D xin ly hôn với chị Phạm Thị L. Như vậy chị Phạm Thị L đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình khi giải quyết vụ án.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Dương Văn D và chị Phạm Thị L: Thấy rằng chị Phạm Thị L không đến Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc anh Dương Văn D có đơn xin ly hôn với chị Phạm Thị L. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa anh Dương Văn D và chị Phạm Thị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Dương Văn D yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị L là phù hợp, có căn cứ với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh Dương Văn D và chị Phạm Thị L không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh Dương Văn D trình bày là không có; trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị L vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Dương Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Dương Văn D đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001031 ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Văn D được ly hôn với chị Phạm Thị L.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

3. Về án phí: Buộc anh Dương Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Dương Văn D đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001031 ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, Tòa án báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt